

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Vĩnh Đức	Chủ tịch
Ông Costa Jean - Luc Francois	Phó Chủ tịch
Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Song Lai	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Năng	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Ông Prasanna Rajashekhar Patil	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Lê Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phú Thủy	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Lê Việt Thành	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Clause Pierre Seigne	Thành viên
Ông Trần Đức Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không.
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành, 



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 8 năm 2013

Số. 125 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 15 tháng 8 năm 2013, từ trang 4 đến trang 27. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 – “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và 28 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, ngày 4 tháng 3 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 2803/BTC-QLBH hướng dẫn xử lý hạch toán phần lãi và vốn thu được từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Bảo Minh – CMG, một công ty liên doanh, từ năm 2007. Theo đó, số tiền vốn 5.000.000 đô la Mỹ (tương đương 104.075.000.000 đồng) được hạch toán giảm dự phòng dao động lớn trong thời gian không quá 3 năm. Tổng Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền vốn trong 3 năm và đã hạch toán giảm quỹ dự phòng dao động lớn với số tiền 17.345.833.334 đồng cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 19 tháng 8 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Thao
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1902-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B01-DNBH
Đơn vị: VNĐ

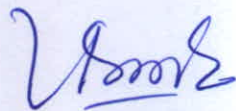
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.090.407.029.508	2.029.249.613.334
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		185.758.212.360	180.304.644.425
1. Tiền	111	6	185.758.212.360	180.304.644.425
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	860.102.965.287	966.669.802.334
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.027.237.082.927	1.120.320.386.911
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(167.134.117.640)	(153.650.584.577)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.012.329.431.384	855.644.388.183
1. Phải thu khách hàng	131	8	914.762.680.077	730.935.080.408
2. Trả trước cho người bán	132	9	5.183.222.811	3.177.334.427
3. Các khoản phải thu khác	135	10	246.974.376.930	255.287.113.228
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	11	(154.590.848.434)	(133.755.139.880)
IV. Hàng tồn kho	140		5.640.918.921	4.694.795.597
1. Hàng tồn kho	141		5.640.918.921	4.694.795.597
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.575.501.556	21.935.982.795
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.262.308.269	1.464.140.946
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	12	7.064.562.911	12.553.160.938
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		18.248.630.376	7.918.680.911
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.580.462.441.500	1.570.644.366.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	13	35.938.299.939	46.242.875.939
1. Phải thu dài hạn khác	218		35.938.299.939	46.242.875.939
II. Tài sản cố định	220		437.205.787.051	440.627.722.548
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	88.434.551.017	93.511.175.932
- Nguyên giá	222		194.418.433.605	206.184.338.836
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.983.882.588)	(112.673.162.904)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	319.675.187.162	314.292.842.276
- Nguyên giá	228		359.248.062.748	349.435.994.982
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.572.875.586)	(35.143.152.706)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	16	29.096.048.872	32.823.704.340
III. Bất động sản đầu tư	240	17	25.872.672.714	26.672.063.858
- Nguyên giá	241		27.627.108.426	27.638.017.517
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.754.435.712)	(965.953.659)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		931.178.065.510	920.711.429.537
1. Đầu tư vào công ty con	251	18	210.058.000.000	210.058.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	19	152.781.309.450	152.781.309.450
3. Đầu tư dài hạn khác	258	20	610.361.088.718	577.360.824.425
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	20	(42.022.332.658)	(19.488.704.338)
V. Tài sản dài hạn khác	260		150.267.616.286	136.390.274.527
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	21	138.975.656.446	125.207.254.116
2. Ký quỹ bất buộc	263	22	6.000.000.000	6.000.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.291.959.840	5.183.020.411
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.670.869.471.008	3.599.893.979.743

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B01-DNBH
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)	300		1.656.277.773.889	1.518.272.303.985
I. Nợ ngắn hạn	310		582.420.733.476	552.809.049.152
1. Phải trả người bán	312	23	418.028.756.496	334.461.716.392
2. Người mua trả tiền trước	313	24	56.517.921.887	93.036.463.387
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	25	26.711.909.782	23.418.053.967
4. Phải trả người lao động	315	26	36.797.201.440	49.800.361.467
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	27	35.559.772.108	52.092.453.939
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.805.171.763	-
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	28	1.073.465.493.627	964.933.017.767
1. Dự phòng phí	331		853.617.843.708	730.797.339.404
2. Dự phòng bồi thường	332		115.499.031.067	113.139.717.906
3. Dự phòng dao động lớn	333		104.348.618.852	120.995.960.457
III. Nợ dài hạn	340		391.546.786	530.237.066
1. Phải trả dài hạn khác	343		391.546.786	530.237.066
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		2.014.591.697.119	2.081.621.675.758
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	2.014.591.697.119	2.081.621.675.758
1. Vốn điều lệ	411		755.000.000.000	755.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.133.484.074.449	1.133.484.074.449
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	417		48.118.664.950	44.072.906.648
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		17.817.683.252	13.771.924.950
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		60.171.274.468	135.292.769.711
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+ 400)	430		3.670.869.471.008	3.599.893.979.743



Vũ Thị Dung
Người lập biểu



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng

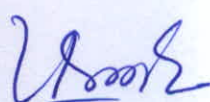



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 02a-DNBH
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	01	1.140.233.162.449	1.099.970.933.189
Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	02	140.872.243.624	132.993.208.881
Các khoản giảm trừ	03	(328.505.855.045)	(341.790.281.153)
<i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>04</i>	<i>(323.888.353.652)</i>	<i>(322.471.183.833)</i>
<i>Giảm phí bảo hiểm</i>	<i>05</i>	<i>(255.644.441)</i>	<i>(1.195.453.558)</i>
<i>Hoàn phí bảo hiểm</i>	<i>06</i>	<i>(4.361.856.952)</i>	<i>(18.123.643.762)</i>
Tăng dự phòng phí	08	(122.820.504.304)	(58.513.534.218)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09	58.233.484.898	44.091.090.292
Thu từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	10	364.087.681	2.103.681.989
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14	888.376.619.303	878.855.098.980
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15	(624.296.422.298)	(523.643.169.672)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16	(56.502.830.126)	(47.319.648.304)
Trừ các khoản khấu trừ	17	299.715.114.276	145.255.353.573
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>18</i>	<i>294.517.994.011</i>	<i>142.465.114.738</i>
<i>Thu bồi người thứ ba bồi hoàn</i>	<i>19</i>	<i>4.650.126.971</i>	<i>2.385.169.904</i>
<i>Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%</i>	<i>20</i>	<i>546.993.294</i>	<i>405.068.931</i>
Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21	(381.084.138.148)	(425.707.464.403)
Sử dụng bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22	29.000.000.000	25.000.000.000
Tăng dự phòng bồi thường	23	(2.359.313.161)	(13.252.841.190)
Trích dự phòng dao động lớn	24	(29.698.491.729)	(26.567.603.671)
Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27	(113.175.568.378)	(105.715.414.792)
Chi bồi người thứ ba	29	-	(333.897.000)
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31	(901.850.655)	(429.977.951)
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32	(1.898.234.239)	(858.604.049)
Chi khác (giám định, phí đồng bảo hiểm....)	33	(63.751.087.987)	(40.353.358.745)
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	35	(34.613.256.822)	(28.712.384.206)
Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41	(598.481.941.119)	(616.931.546.007)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42	289.894.678.184	261.923.552.973
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	(271.189.230.414)	(261.091.146.445)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45	18.705.447.770	832.406.528
Doanh thu hoạt động tài chính	46	97.477.536.855	136.901.361.373
Chi phí tài chính	47	(69.504.360.406)	(71.117.190.901)
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	51	27.973.176.449	65.784.170.472
Thu nhập khác	52	136.926.578	885.555.575
Chi phí khác	53	(265.553.541)	(155.664.910)
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	54	(128.626.963)	729.890.665
Lợi nhuận trước thuế	55	46.549.997.256	67.346.467.665
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	(5.612.814.669)	(5.781.523.603)
Lợi nhuận sau thuế	61	40.937.182.587	61.564.944.062



Vũ Thị Dung
Người lập biểu



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng



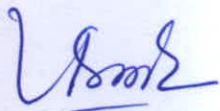
Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B03-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	46.549.997.256	67.346.467.665
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.035.004.536	11.133.341.625
Tăng các khoản dự phòng	03	56.852.869.937	120.868.562.245
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(494.903.553)	2.407.264.910
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(79.295.996.711)	(130.964.408.670)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.646.971.465	70.791.227.775
Thay đổi các khoản phải thu	09	(103.224.728.366)	(228.288.669.960)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(946.123.324)	(836.882.801)
Thay đổi các khoản phải trả	11	103.949.234.691	27.856.310.673
Thay đổi chi phí trả trước	12	(12.080.949.251)	13.246.149.116
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(124.216.642)	(10.726.474.220)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	38.498.397.931
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(129.070.104)	(56.157.421.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.091.118.469	(145.617.363.261)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(9.299.298.297)	(19.253.860.339)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	20.551.818	571.847.410
Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn và dài hạn	23	(961.811.294.373)	(920.149.877.000)
Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư	24	996.863.226.062	971.739.771.324
Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác	26	25.031.108.002	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.154.558.534	130.392.561.260
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	72.958.851.746	163.300.442.655
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.449.970.215	(72.916.920.606)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	180.304.644.425	258.530.906.001
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	3.597.720	(658.231.628)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	185.758.212.360	184.955.753.767


Vũ Thị Dung
Người lập biểu


Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng


TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
BẢO MINH
TP. HỒ CHÍ MINH
Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 8 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam, là một công ty cổ phần, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 8 tháng 9 năm 2004 do Bộ Tài chính ban hành, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã số chứng khoán là BMI.

Tổng Công ty có 60 chi nhánh trên cả nước, một công ty con và một công ty liên doanh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 1.674 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.710 người).

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013; do đó, Tổng Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh trong báo cáo tài chính riêng này. Các khoản đầu tư của Tổng Công ty được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 5 bên dưới.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Điều hành đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Việc áp dụng Thông tư 232 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, tình hình bồi thường và nhiều thông tin trọng yếu khác. Thông tư này sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và áp dụng từ năm tài chính 2014. Ban Điều hành đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Tổng Công ty.

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC (“Thông tư 228”) ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Điều hành đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Tổng Công ty.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính ngắn hạn, đầu tư tài chính dài hạn và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản dự phòng nghiệp vụ và nhận ký quỹ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về ghi nhận tiếp theo công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	5 - 25
Phương tiện vận tải	7 - 12
Máy móc, thiết bị	4 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất để xây trụ sở ở các chi nhánh. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 8 năm. Theo quy định hiện hành, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng của lô đất và quyền sử dụng đất không thời hạn thì không trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích hoạt động kinh doanh, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán hiện hành. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất không thời hạn và có thời hạn do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với quyền sử dụng đất có thời hạn. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản đầu tư. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Góp vốn liên doanh

Khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Khoản vốn góp liên doanh được trình bày theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản góp vốn liên doanh. Tại ngày báo cáo tiếp theo, khoản góp vốn vào công ty liên doanh được trình bày theo nguyên giá gốc, trừ đi khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán niêm yết có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty không lập dự phòng đối với các chứng khoán chưa niêm yết mà không thể thu thập được giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính riêng và chứng khoán hạn chế quyền chuyển nhượng tự do trên thị trường.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí hoa hồng, chi phí khai thác trực tiếp chờ phân bổ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian mà Tổng Công ty ghi nhận các lợi ích kinh tế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu kinh doanh bảo hiểm được ghi nhận khi đơn bảo hiểm có hiệu lực, khi nhận được các bảng thanh toán từ nhà nhận tái bảo hiểm cũng như nhà nhượng tái bảo hiểm.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận các chi phí bảo hiểm chính

Chi phí bồi thường: Chi phí bồi thường được ghi nhận tại thời điểm các hồ sơ bồi thường được hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Các khoản bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ thì xem là chưa giải quyết và được bao gồm trong dự phòng bồi thường.

Chi phí hoa hồng: Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở thực chi khi thực thu phí bảo hiểm hoặc phân bổ theo thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Hoạt động tái bảo hiểm

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thiệt hại từ những hợp đồng bảo hiểm đã ký kết bằng cách tái bảo hiểm ở những mức độ nhất định các rủi ro với các công ty bảo hiểm khác hay các công ty tái bảo hiểm. Lợi ích có thể thu được từ công ty nhận tái bảo hiểm được ước tính thống nhất dựa vào hợp đồng tái bảo hiểm. Tổng Công ty có 2 hoạt động tái bảo hiểm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tùy chọn được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận của hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Phí hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được các bảng thông báo thanh toán của bên nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi doanh thu tái bảo hiểm được ghi nhận và bên nhận tái bảo hiểm nhận được bảng thông báo tái bảo hiểm.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng phí được tính theo phương pháp tỷ lệ 1/8 (hàng nửa quý) hoặc 1/365 (hàng ngày) dựa trên hệ số của thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp tỷ lệ 1/365 áp dụng cho các loại hình bảo hiểm được ghi nhận và theo dõi trên phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm Policy/Asia và phương pháp tỷ lệ 1/8 được áp dụng cho các loại hình bảo hiểm còn lại. Việc áp dụng cả hai phương pháp này được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 9330/BTC-QLBH ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Theo Công văn số 15745/BTC-QLBH ngày 18 tháng 11 năm 2011, từ năm tài chính 2011, đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo tỉ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm theo quy định tại Chỉ tiết a, Điều 4.1, Điều 7, Mục 2, Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012. Cụ thể, đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không, dự phòng phí chưa được hưởng được tính bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc kỳ của nghiệp vụ bảo hiểm này.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết được tính theo từng trường hợp cụ thể căn cứ vào số liệu thực tế ước tính các tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm bao gồm cả các nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm đã khiếu nại trong kỳ.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 – “*Hợp đồng bảo hiểm*” thì các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Trong kỳ, Tổng Công ty trích lập dự phòng dao động lớn theo tỷ lệ là 3% phí bảo hiểm giữ lại (năm 2012: 3%) và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong kỳ.

Các khoản dự phòng khác

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo Điều lệ Tổng Công ty.

6. TIỀN

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền mặt	16.675.732.571	16.251.418.469
Tiền gửi ngân hàng	169.082.479.789	164.053.225.956
	<u>185.758.212.360</u>	<u>180.304.644.425</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Cổ phiếu niêm yết VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN			
Tại ngày 01/01/2013	45.477.480.760	1.074.842.906.151	1.120.320.386.911
Tăng	320.977.071.411	578.802.850.667	899.779.922.078
Giảm	(340.245.042.062)	(652.618.184.000)	(992.863.226.062)
Tại ngày 30/6/2013	26.209.510.109	1.001.027.572.818	1.027.237.082.927
DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN			
Tại ngày 01/01/2013	33.040.129.777	120.610.454.800	153.650.584.577
Tăng dự phòng	-	27.375.909.200	27.375.909.200
Hoàn nhập dự phòng	(13.892.376.137)	-	(13.892.376.137)
Tại ngày 31/12/2013	19.147.753.640	147.986.364.000	167.134.117.640
GIÁ TRỊ THUẦN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN			
Tại ngày 30/6/2013	7.061.756.469	853.041.208.818	860.102.965.287
Tại ngày 31/12/2012	12.437.350.983	954.232.451.351	966.669.802.334

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm với lãi suất từ 6,66% đến 10%/năm (năm 2012: 6,66% tới 11,66%/năm).

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải thu bảo hiểm gốc	476.682.655.227	446.193.287.361
Phải thu nhận tái bảo hiểm	62.714.849.997	31.044.212.218
Phải thu nhượng tái bảo hiểm	375.365.174.853	253.697.580.829
	914.762.680.077	730.935.080.408

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán thể hiện số dư của các khoản tạm ứng bồi thường cho người được bảo hiểm và công ty môi giới bảo hiểm tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải thu từ hoạt động đầu tư	100.933.151.756	88.769.835.383
Phải thu từ SCIC	52.037.499.999	69.383.333.333
Phải thu khác	94.003.725.175	97.133.944.512
	246.974.376.930	255.287.113.228

Phải thu từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC") thể hiện phần vốn còn lại sau khi phân bổ một phần vào quỹ dự phòng dao động lớn do Tổng Công ty phân bổ số tiền vốn trong 3 năm. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 28 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 2803/BTC-QLBH ngày 04 tháng 3 năm 2013 hướng dẫn xử lý hạch toán tiền vốn và lãi thu được từ chuyển nhượng Bảo Minh – CMG năm 2007. Tổng Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền vốn trong 3 năm và hạch toán một phần với số tiền là 17.345.833.334 đồng cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Dự phòng phải thu bảo hiểm	112.653.597.685	92.704.423.131
Dự phòng lãi phải thu đầu tư tài chính	41.937.250.749	41.050.716.749
	154.590.848.434	133.755.139.880

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước thể hiện số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp còn được hoàn lại phát sinh từ phần thuế Tổng Công ty đã nộp trước đó cho phần lợi nhuận từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Bảo Minh – CMG sau khi bù trừ với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 6 năm 2013.

13. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

Các khoản phải thu dài hạn thể hiện các khoản dự thu tiền lãi từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn gồm trái phiếu, tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở lên.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	125.469.174.018	44.963.584.788	64.740.822	30.885.144.627	4.801.694.581	206.184.338.836
Tăng trong kỳ	16.587.273	2.826.422.727	-	235.908.181	46.567.818	3.125.485.999
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	26.800.000	-	26.800.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(457.933.186)	-	(547.804.539)	(57.240.000)	(1.062.977.725)
Phân loại lại	-	(53.000.273)	(64.740.822)	(12.834.218.480)	(903.253.930)	(13.855.213.505)
Tại ngày 30/6/2013	125.485.761.291	47.279.074.056	-	17.765.829.789	3.887.768.469	194.418.433.605
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	47.741.980.696	35.236.375.713	55.104.335	25.715.805.726	3.923.896.434	112.673.162.904
Khấu hao trong kỳ	3.659.748.742	1.717.072.097	1.117.363	1.183.424.630	191.169.939	6.752.532.771
Giảm do thanh lý	-	(457.933.186)	-	(547.804.539)	(57.240.000)	(1.062.977.725)
Phân loại lại	-	(53.000.273)	(56.221.698)	(11.548.192.279)	(721.421.112)	(12.378.835.362)
Tại ngày 30/6/2013	51.401.729.438	36.442.514.351	-	14.803.233.538	3.336.405.261	105.983.882.588
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2013	74.084.031.853	10.836.559.705	-	2.962.596.251	551.363.208	88.434.551.017
Tại ngày 31/12/2012	77.727.193.322	9.727.209.075	9.636.487	5.169.338.901	877.798.147	93.511.175.932

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 47.391.266.551 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 52.333.527.200 đồng).

Phân loại lại thể hiện nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của những tài sản được phân loại sang chi phí trả trước dài hạn do không còn đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") ngày 25 tháng 4 năm 2013, do Bộ Tài chính đã ban hành hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	282.375.828.200	67.060.166.782	349.435.994.982
Tăng trong kỳ	-	957.211.117	957.211.117
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	8.917.456.649	8.917.456.649
Giảm khác	-	(62.600.000)	(62.600.000)
Tại ngày 30/6/2013	282.375.828.200	76.872.234.548	359.248.062.748
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	980.063.014	34.163.089.692	35.143.152.706
Khấu hao trong kỳ	231.284.737	4.261.038.143	4.492.322.880
Giảm khác	-	(62.600.000)	(62.600.000)
Tại ngày 30/6/2013	1.211.347.751	38.361.527.835	39.572.875.586
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2013	281.164.480.449	38.510.706.713	319.675.187.162
Tại ngày 31/12/2012	281.395.765.186	32.897.077.090	314.292.842.276

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 13.400.721.408 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 13.428.321.408 đồng).

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01	32.823.704.340	48.971.893.557
Tăng trong kỳ	5.216.601.181	24.010.149.051
Kết chuyển sang tài sản cố định	(8.944.256.649)	(38.843.558.015)
Giảm khác	-	(1.314.780.253)
Tại ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12	29.096.048.872	32.823.704.340

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 30 tháng 6 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 là giá trị các công trình xây dựng trụ sở của các chi nhánh Bảo Minh và giá trị các chi phí xây dựng dở dang khác. Chi tiết giá trị cuối kỳ như sau:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
- Giá trị đất trụ sở	3.956.818.182	3.956.818.182
- Nhà số 85/3 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP.HCM	11.102.271.300	11.102.271.300
- Chi phí dự án BEST 2012	-	7.765.527.446
- Nhà số 217 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP.HCM	2.223.722.302	1.945.832.988
- Trụ sở Bảo Minh Lạng Sơn	1.475.062.063	1.463.841.154
- Trụ sở Bảo Minh Cần Thơ	1.130.698.710	1.116.269.710
- Trụ sở Bảo Minh Bạc Liêu	2.892.215.909	1.518.398.886
- Các công trình khác	6.315.260.406	3.954.744.674
	29.096.048.872	32.823.704.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013	27.638.017.517
Giảm khác	(10.909.091)
Tại ngày 30/6/2013	27.627.108.426
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	965.953.659
Khấu hao trong kỳ	790.148.885
Giảm khác	(1.666.832)
Tại ngày 30/6/2013	1.754.435.712
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2013	25.872.672.714
Tại ngày 31/12/2012	26.672.063.858

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 (VAS 05) - “*Bất động sản đầu tư*”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty có ý định nắm giữ các bất động sản lâu dài và Tổng Công ty cũng chưa xác định được các bất động sản cùng loại tương tự để so sánh.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là “BMSC”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. BMSC có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty sở hữu 70,02% vốn điều lệ tương đương với 70,02% quyền biểu quyết.

Hoạt động chính của BMSC là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là “UIC”) được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 01 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09GP/KDBH ngày 29 tháng 4 năm 2010 do Bộ Tài chính cấp. Tổng Công ty sở hữu 48,45% vốn điều lệ tương đương với 48,45% quyền biểu quyết.

Hoạt động chính của Công ty liên doanh là kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, thực hiện hoạt động nhận nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm Công ty liên doanh được phép kinh doanh, thực hiện các dịch vụ liên quan gồm: giám định, điều tra, tính toán phân bổ tổn thất, đại lý giám định và xét giải quyết bồi thường từ bên thứ ba.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Cổ phiếu VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC				
Tại ngày 01/01/2013	304.063.113.370	136.297.711.055	137.000.000.000	577.360.824.425
Tăng	15.031.372.295	-	47.000.000.000	62.031.372.295
Giảm	(25.031.108.002)	-	(4.000.000.000)	(29.031.108.002)
Tại ngày 30/6/2013	294.063.377.663	136.297.711.055	180.000.000.000	610.361.088.718
DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 01/01/2013	19.488.704.338	-	-	19.488.704.338
Tăng	15.063.019.341	23.849.313.317	-	38.912.332.658
Hoàn nhập	(16.378.704.338)	-	-	(16.378.704.338)
Tại ngày 30/6/2013	18.173.019.341	23.849.313.317	-	42.022.332.658
GIÁ TRỊ THUẬN ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 30/6/2013	275.890.358.322	112.448.397.738	180.000.000.000	568.338.756.060
Tại ngày 31/12/2012	284.574.409.032	136.297.711.055	137.000.000.000	557.872.120.087

Chi tiết danh mục đầu tư cổ phiếu và trái phiếu tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	48.020.000.000	48.020.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	1.277.992.000	1.277.992.000
Cổ phiếu Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	211.203.135	211.203.135
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn Hạ Long	6.000.000.000	6.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	7.618.100.000	7.618.100.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên	779.200.000	779.200.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Long An	100.000.000	100.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty CP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	43.218.000.000	43.218.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Địa ốc 9	514.000.000	514.000.000
Cổ phiếu Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Bảo Việt	30.782.171.949	40.080.953.060
Cổ phiếu Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam - VF2	8.542.710.579	9.243.665.175
Cổ phiếu Tổng Công ty CP Rượu bia nước giải khát Sài Gòn	7.000.000.000	7.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000
	294.063.377.663	304.063.113.370
Trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	12.497.711.055	12.497.711.055
Trái phiếu Tổng Công ty Điện lực Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000
Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy (Vinashin)	67.000.000.000	67.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ	26.800.000.000	26.800.000.000
	136.297.711.055	136.297.711.055

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản tiền gửi và khoản đầu tư ủy thác có kỳ hạn trên 1 năm.

21. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.253.171.349	1.701.763.554
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	63.872.901.845	55.938.896.259
Chi phí trả trước dài hạn khác	73.849.583.252	67.566.594.303
	138.975.656.446	125.207.254.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. KÝ QUỸ BẮT BUỘC

Số dư ký quỹ bắt buộc thể hiện số tiền bằng 2% vốn pháp định đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ là 300 tỷ đồng được quy định tại khoản 1, điều 4, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ.

23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	63.123.291.879	50.994.407.011
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm gốc	102.836.108	133.483.283
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	37.079.606.657	26.133.999.165
Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm	317.723.021.852	257.199.826.933
	<u>418.028.756.496</u>	<u>334.461.716.392</u>

24. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Doanh thu chưa thực hiện	17.532.434.141	61.009.949.814
Thu tiền ứng trước từ khách hàng	38.985.487.746	32.026.513.573
	<u>56.517.921.887</u>	<u>93.036.463.387</u>

25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	23.805.909.963	19.727.740.586
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước khác	2.905.999.819	3.690.313.381
	<u>26.711.909.782</u>	<u>23.418.053.967</u>

26. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, phải trả người lao động thể hiện khoản chênh lệch giữa quỹ lương trích vào chi phí trong kỳ và số lương, thưởng thực tế chi trả cho cán bộ công nhân viên trong kỳ.

27. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải trả phí đồng bảo hiểm	2.069.874.024	11.702.200.560
Phải trả khác	33.489.898.084	40.390.253.379
	<u>35.559.772.108</u>	<u>52.092.453.939</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Dự phòng phí VNĐ	Dự phòng bồi thường VNĐ	Dự phòng dao động lớn VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 01/01/2012	674.364.337.276	126.305.466.773	168.537.991.921	969.207.795.970
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	56.433.002.128	(13.165.748.867)	52.149.635.203	95.416.888.464
Số sử dụng trong năm	-	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)
Điều chỉnh giảm	-	-	(34.691.666.667)	(34.691.666.667)
Số dư tại ngày 31/12/2012	730.797.339.404	113.139.717.906	120.995.960.457	964.933.017.767
Số trích lập trong kỳ	122.820.504.304	2.359.313.161	29.698.491.729	154.878.309.194
Số sử dụng trong kỳ (*)	-	-	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Điều chỉnh giảm (**)	-	-	(17.345.833.334)	(17.345.833.334)
Số dư tại ngày 30/6/2013	853.617.843.708	115.499.031.067	104.348.618.852	1.073.465.493.627

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty đã sử dụng 29.000.000.000 đồng (năm 2012: 65.000.000.000 đồng) từ quỹ dự phòng dao động lớn cho bồi thường gốc và bồi thường nhận tái bảo hiểm trong kỳ.

(**) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 2803/BTC-QLBH ngày 04 tháng 3 năm 2013 hướng dẫn xử lý hạch toán vốn và lãi thu được từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Bảo Minh – CMG. Theo đó, đối với số tiền gốc 5.000.000 đô la Mỹ (tương đương 104.075.000.000 đồng) được hạch toán giảm dự phòng dao động lớn không quá 3 năm. Tổng Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền gốc trong 3 năm và hạch toán một phần với số tiền là 17.345.833.334 đồng ghi giảm quỹ dự phòng dao động lớn cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự trữ bắt buộc VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 01/01/2012	755.000.000.000	1.133.484.074.449	43.244.907.730	12.943.926.032	226.733.953.827	2.171.406.862.038
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	80.915.166.041	80.915.166.041
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	827.998.918	827.998.918	(1.655.997.836)	-
Hoàn nhập thuế chuyển nhượng vốn	-	-	-	-	23.362.957.306	23.362.957.306
Giảm số trích dự phòng theo quyết toán thuế 2011	-	-	-	-	10.388.764.492	10.388.764.492
Nộp bổ sung thuế 2011	-	-	-	-	(2.604.722.487)	(2.604.722.487)
Điều chỉnh giảm	-	-	-	-	(107.760.926.445)	(107.760.926.445)
Chi khác	-	-	-	-	(3.486.425.187)	(3.486.425.187)
Số dư tại ngày 31/12/2012	755.000.000.000	1.133.484.074.449	44.072.906.648	13.771.924.950	135.292.769.711	2.081.621.675.758
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	40.937.182.587	40.937.182.587
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	4.045.758.302	4.045.758.302	(8.091.516.604)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(17.266.780.551)	(17.266.780.551)
Chi khác	-	-	-	-	(100.380.675)	(100.380.675)
Số dư tại ngày 30/6/2013	755.000.000.000	1.133.484.074.449	48.118.664.950	17.817.683.252	60.171.274.468	2.014.591.697.119

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm số 0555/2013-BM/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Tổng Công ty đồng ý chia cổ tức năm 2012 với số tiền là 90.600.000.000 đồng tương đương 12% vốn điều lệ (năm 2012: 90.600.000.000 đồng tương đương 12% vốn điều lệ) từ lợi nhuận chưa phân phối của Tổng Công ty.

Các khoản điều chỉnh của quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi khác từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ là các khoản điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 755.000.000.000 đồng. Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.500.000	75.500.000
Cổ phiếu phổ thông	75.500.000	75.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.500.000	75.500.000
Cổ phiếu phổ thông	75.500.000	75.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ đã được góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VNĐ	%	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tổng Công ty Đầu tư & KD vốn Nhà nước	382.788.000.000	50,70	382.788.000.000	382.788.000.000
AXA .SA – Pháp	125.700.000.000	16,65	125.700.000.000	125.700.000.000
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	42.532.000.000	5,63	42.532.000.000	42.532.000.000
Tập đoàn Sông Đà	13.968.500.000	1,85	13.968.500.000	13.968.500.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	16.640.500.000	2,20	16.640.500.000	16.640.500.000
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	2.006.500.000	0,27	968.100.000	2.006.500.000
Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	12.152.000.000	1,61	1.180.330.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Cổ phần XNK Xây dựng Việt Nam	9.515.800.000	1,26	-	9.515.800.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	6.076.000.000	0,80	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp	6.076.000.000	0,80	6.076.000.000	6.076.000.000
Nhân viên của Tổng Công ty và cổ đông khác	125.392.700.000	16,61	146.918.570.000	125.392.700.000
	755.000.000.000	100	755.000.000.000	755.000.000.000

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	59.751.266.015	79.396.304.129
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	3.900.870.000	4.892.800.899
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.255.634.075	44.220.373.255
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.428.732.504	4.156.463.688
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.592.866.619	2.069.536.425
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	959.358.943	282.800.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.588.808.699	1.883.082.977
	97.477.536.855	136.901.361.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Chi phí cho hoạt động đầu tư	11.412.393.999	14.429.475.360
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.321.290.723	6.563.728.598
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.595.745.712	2.537.346.957
Dự phòng giảm giá đầu tư	51.598.027.532	47.517.042.545
Chi phí tài chính khác	1.576.902.440	69.597.441
	69.504.360.406	71.117.190.901

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	46.549.997.256	67.346.467.665
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	156.895.494	-
Trừ: Thu nhập cố tức không chịu thuế	(24.255.634.075)	(44.220.373.255)
Thu nhập chịu thuế	22.451.258.675	23.126.094.410
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.612.814.669	5.781.523.603

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

33. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính, đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài phải chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2005 với tỷ lệ 2% trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài. Theo đó một khoản thuế nhà thầu với giá trị ước tính khoảng 25 tỷ đồng tính trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài của Tổng Công ty từ năm 2005 đến hết năm 2008 chưa được Tổng Công ty ghi nhận. Theo Công văn số 8667/BCT-TCT ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là những nước đã ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam thì được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ 2005 đến 2008. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty đã tính toán và nộp phần thuế không được miễn đồng thời đang tiến hành thực hiện các thủ tục miễn thuế theo Công văn nêu trên.

34. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	6.831.585.320	3.097.581.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trong vòng một năm	9.856.140.733	10.712.189.955
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	17.530.758.611	21.847.455.158
Sau năm năm	462.044.500	863.585.375
	27.848.943.844	33.423.230.488

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất, văn phòng và đường truyền internet với thời hạn từ 1 năm tới 30 năm.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền	185.758.212.360	180.304.644.425
Phải thu khách hàng và phải thu khác	991.047.008.513	898.709.929.695
Đầu tư tài chính ngắn hạn	860.102.965.287	966.669.802.334
Đầu tư tài chính dài hạn	568.338.756.060	557.872.120.087
Các khoản ký quỹ	11.818.721.975	11.790.032.546
	2.617.065.664.195	2.615.346.529.087
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	453.588.528.604	386.554.170.331
Dự phòng nghiệp vụ	1.073.465.493.627	964.933.017.767
Nhận ký quỹ	391.546.786	530.237.066
	1.527.445.569.017	1.352.017.425.164

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	477.958.890.517	392.030.018.340	209.596.149.061	197.744.284.886
Đồng EURO (EUR)	11.042.862.182	5.590.672.090	9.103.598.688	6.772.121.324
Bảng Anh (GBP)	10.010.225.971	11.375.363.394	4.288.495.985	1.104.278.864
Yên Nhật (JPY)	1.764.642.629	1.945.748.356	145.876.451	759.126.098
Đô la Singapore (SGD)	660.742.173	195.435.018	-	-
Won Hàn Quốc (KRW)	8.987.022.508	335.287.506	2.133.618.032	56.111.611
Đồng Franc Thụy Sĩ (CHF)	-	-	35.461.749	36.234.949
Đô la Úc (AUD)	26.106.601	2.903.156	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ, Đồng Euro, Đồng Bảng Anh, Đồng Yên Nhật và Đồng Won Hàn Quốc.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Điều hành sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Điều hành về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư lớn của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	13.366.549.783	9.729.298.742
Đồng EURO (EUR)	96.590.574	(57.809.425)
Bảng Anh (GBP)	282.903.789	506.388.113
Yên Nhật (JPY)	81.813.572	63.794.897
Won Hàn Quốc (KRW)	279.765.761	13.876.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng số tài sản tài chính nhận lãi suất của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 6, số 7 và số 20. Chính sách của Tổng Công ty là duy trì nguồn tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn với mức lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về thay đổi giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 – 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
30/6/2013			
Tiền	185.758.212.360	-	185.758.212.360
Phải thu khách hàng và phải thu khác	955.108.708.574	35.938.299.939	991.047.008.513
Đầu tư tài chính ngắn hạn	860.102.965.287	-	860.102.965.287
Đầu tư tài chính dài hạn	-	568.338.756.060	568.338.756.060
Các khoản ký quỹ	526.762.135	11.291.959.840	11.818.721.975
	2.001.496.648.356	615.569.015.839	2.617.065.664.195
Phải trả người bán và phải trả khác	453.588.528.604	-	453.588.528.604
Dự phòng nghiệp vụ	969.116.874.775	104.348.618.852	1.073.465.493.627
Nhận ký quỹ	-	391.546.786	391.546.786
	1.422.705.403.379	104.740.165.638	1.527.445.569.017
Chênh lệch thanh khoản thuần	578.791.244.977	510.828.850.201	1.089.620.095.178
	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 – 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2012			
Tiền	180.304.644.425	-	180.304.644.425
Phải thu khách hàng và phải thu khác	852.467.053.756	46.242.875.939	898.709.929.695
Đầu tư tài chính ngắn hạn	966.669.802.334	-	966.669.802.334
Đầu tư tài chính dài hạn	-	557.872.120.087	557.872.120.087
Các khoản ký quỹ	607.012.135	11.183.020.411	11.790.032.546
	2.000.048.512.650	615.298.016.437	2.615.346.529.087
Phải trả người bán và phải trả khác	386.554.170.331	-	386.554.170.331
Dự phòng nghiệp vụ	843.937.057.310	120.995.960.457	964.933.017.767
Nhận ký quỹ	-	530.237.066	530.237.066
	1.230.491.227.641	121.526.197.523	1.352.017.425.164
Chênh lệch thanh khoản thuần	769.557.285.009	493.771.818.914	1.263.329.103.923

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Mức độ thường xuyên và tính chất nghiêm trọng của bồi thường bảo hiểm bị tác động bởi nhiều yếu tố. Yếu tố đáng lưu ý nhất là mức độ gia tăng số trường hợp tranh chấp liên quan đến tòa án vẫn chưa được giải quyết hoặc xử lý chậm trong thời gian dài. Lạm phát ước tính cũng là nhân tố đáng kể do giải quyết những trường hợp này thường kéo dài qua nhiều năm.

Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược cung cấp bảo hiểm, xây dựng tỉ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm bảo hiểm và sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Thu nhập		
Cổ tức nhận từ BMSC	12.603.480.000	14.283.944.000
Cổ tức nhận từ UIC	-	21.802.500.000
Tiền cho thuê văn phòng từ BMSC	119.300.817	132.781.925
Chi phí môi giới và tư vấn trả BMSC	85.271.191	-
Cổ tức		
Tổng Công ty nhờ BMSC trả cổ tức	495.222.840	22.343.664.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính riêng:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Các khoản phải thu		
Cổ tức phải nhờ BMSC trả hộ	1.216.955.980	2.341.462.960

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.886.437.400	2.994.371.800

Vũ Thị Dung
Người lập biểu

Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 8 năm 2013